TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2026/DS-ST
Ngày 13 - 8 - 2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quảng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Đàn
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 13 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 168/2026/TLST - DS ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 374/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2026/QĐST - DS ngày 24 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hoàng Ngọc N, sinh ngày 28/12/1964; Căn cước số: 044064001326, cấp ngày 14/11/2024; nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1. Địa chỉ cư trú: Thôn T (nay là thôn T), xã B, tỉnh Quảng Trị. Ông N có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 27/3/1958; Căn cước công dân số: 044058001153, cấp ngày 20/02/2022; nơi cấp: Cục C về TTXH – Bộ C1. Địa chỉ cư trú: Thôn T (nay là thôn T), xã B, tỉnh Quảng Trị. Ông K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Trị. Bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2026, Đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 04/5/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N trình bày*:

Ông Hoàng Ngọc N và ông Nguyễn Văn K có mối quan hệ tình làng nghĩa xóm. Vợ chồng ông K và bà H1 thường đến nhà vợ chồng ông N chơi. Ngày 14/9/2007, ông Hoàng Ngọc N cho ông Nguyễn Văn K vay số tiền 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)*. Việc vay tiền có giấy vay tiền, có chữ ký của hai bên. Ông N trình bày đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền 50.000.000đồng đã vay nhưng ông K không thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Từ ngày 14/9/2007 đến nay, ông N nhiều lần đến đòi nợ.

Có thời gian khoảng năm 2009 đến năm 2010 cả hai vợ chồng ông K đi khỏi nơi cư trú, sau đó về địa phương. Ông N tiếp tục đòi nợ nhưng ông K không trả. Khoảng năm 2017, ông N làm nhà và tiếp tục đòi tiền thì vợ chồng ông K đi làm ăn xa. Đến nay, ông N cho rằng ông K vẫn chưa trả khoản vay. Do đó, ông Hoàng Ngọc N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K trả cho ông Hoàng Ngọc N số tiền gốc 50.000.000 đồng; buộc ông K chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2026, bị đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Ông Nguyễn Văn K đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 168/2026/TB - TLVA ngày 12/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị về việc ông Hoàng Ngọc N yêu cầu ông trả số tiền 50.000.000 đồng theo giấy nợ lập ngày 14/9/2007. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn thì ông K trình bày: Trước đây ông Hoàng Ngọc N có một số gỗ Huê nhờ ông K bán. Hai bên có thỏa thuận với nhau về tiền công hoa hồng. Sau khi bán gỗ, ông K cho rằng có các khoản tiền giữa hai bên chưa được giải quyết dứt điểm, có lần ông N nhờ ông đi đòi nợ nhưng không đòi được. Sau đó giữa hai bên phát sinh việc lập giấy nợ, có lần ông K đi đòi được một khoản tiền 18.000.000đồng *(mười tám triệu đồng)*, đồng thời đã đưa số tiền này cho ông N. Thời điểm ông K đưa số tiền nêu trên cho ông N thì nghĩa vụ giữa hai bên đã được giải quyết. Tuy nhiên, khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 168/2026/TB-TLVA ngày 12/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị về việc ông Hoàng Ngọc N yêu cầu ông trả số tiền 50.000.000đồng theo giấy nợ lập ngày 14/9/2007 nhưng lại không khấu trừ khoản tiền 18.000.00 đồng *(mười tám triệu đồng)* mà ông K đã đưa cho ông N. Do đó ông K đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo quy định.

* Ý kiến người làm chứng – Bà Nguyễn Thị H: Tại Biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 28/5/2026, bà H khai bà là hàng xóm của ông Hoàng Ngọc N, có biết ông Nguyễn Văn K và không có mâu thuẫn gì với ông K. Về việc vay tiền giữa ông N và ông K, bà H khai: Ngày 14/9/2007 bà sang giúp bồng con nhỏ cho vợ chồng ông N và tình cờ chứng kiến việc ông Nguyễn Văn K mượn tiền ông Hoàng Ngọc N. Lúc đầu ông K nói mượn 30.000.000 đồng, nhưng sau đó mượn 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)*. Bà H2 cam đoan lời khai làm chứng trước Tòa về nội dung trên là hoàn toàn đúng đắn; nếu sai trái bà xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì bổ sung, người làm chứng giữ nguyên ý kiến của mình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị ban hành thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập, tiến hành triệu tập các bên đương sự đến lấy lời khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N trực tiếp đến Tòa án theo Giấy triệu tập và đã có bản tự khai trình bày ý kiến của mình. Ông Nguyễn Văn K không trực tiếp đến Tòa án làm việc nhưng đã có trình bày ý kiến, ông K vắng mặt lần thứ hai không có

lý do tại phiên tòa. Người là chứng là bà Nguyễn Thị H đã có trình bày ý kiến thông qua Biên bản lấy lời khai được lập tại Tòa án. Do vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K trả số tiền 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)* theo Giấy vay tiền lập ngày 14/9/2007. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Giao dịch vay tài sản giữa các bên được xác lập ngày 14/9/2007, tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, nên quyền, nghĩa vụ của các bên phát sinh từ giao dịch này được xem xét theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 và quan hệ pháp luật này có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Bị đơn là ông Nguyễn Văn K có nơi cư trú tại xã B, tỉnh Quảng Trị. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị.

[2] Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 không tham gia phiên toà. Lý do tài liệu, chứng cứ có ở hồ sơ vụ án do các bên đương sự cung cấp và trình bày, Toà án nhân dân Khu vực 1 không tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ ngoài các chứng cứ nêu trên.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Đối với vấn đề thời hiệu, Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu khi một bên hoặc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu và yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về việc xác lập giao dịch vay tài sản:

Theo trình bày của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc N, ngày 14/9/2007 ông cho ông Nguyễn Văn K vay số tiền 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)*. Khi vay, hai bên có lập "Giấy vay tiền", trong đó thể hiện người vay là Nguyễn Văn K, số tiền vay là 50.000.000đồng, ngày vay 14/9/2007; phía dưới giấy vay có chữ ký tại mục "Người vay" là ông K và "Người cho vay" là ông N.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn K không phủ nhận việc mình đã ký vào Giấy vay tiền ngày 14/9/2007. Tuy nhiên, ông K không thừa nhận thực tế vay của ông N số tiền 50.000.000đồng mà cho rằng việc lập giấy vay tiền xuất phát từ quan hệ làm ăn, mua bán và việc đi đòi nợ giữa hai bên; do đó ông N yêu cầu ông

viết giấy nợ. Ông K trình bày sau đó đã đưa cho ông N số tiền 18.000.000 đồng và cho rằng nghĩa vụ giữa hai bên đã được giải quyết xong.

Xét thấy, Giấy vay tiền lập ngày 14/9/2007 thể hiện rõ chủ thể vay, số tiền vay là 50.000.000đồng, thời điểm vay và có chữ ký của chính ông Nguyễn Văn K tại phần người vay. Nội dung giấy vay không thể hiện số tiền 50.000.000đồng là khoản tiền phát sinh từ việc mua bán, tiền công đi đòi nợ hoặc là khoản tiền mà ông K nhận thay, thu hộ cho ông N như ông K trình bày. Mặt khác, lời trình bày của ông N về việc cho ông K vay tiền còn phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị H. Tại Biên bản lấy lời khai lập tại Tòa án ngày 28/5/2026, bà H khai rằng ngày 14/9/2007 bà có mặt tại nhà ông N và trực tiếp chứng kiến việc ông Nguyễn Văn K hỏi vay tiền của ông Hoàng Ngọc N; ban đầu ông K nói vay 30.000.000đồng, sau đó vay 50.000.000đồng. Bà H2 cam đoan lời khai của mình là đúng sự thật.

Như vậy, lời khai của nguyên đơn về thời điểm vay, người vay và số tiền vay phù hợp với nội dung Giấy vay tiền ngày 14/9/2007 và phù hợp với lời khai của người làm chứng. Sau khi xem xét toàn diện các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét thấy có đủ cơ sở xác định giữa ông N và ông K có xác lập giao dịch vay số tiền 50.000.000 đồng.

[2] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng không vay số tiền 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)*: Hội đồng xét xử xét thấy, ông K thừa nhận mình là người ký vào Giấy vay tiền ngày 14/9/2007 nhưng cho rằng giấy vay này không phản ánh một khoản tiền vay thực tế mà xuất phát từ quan hệ làm ăn, mua bán và việc đòi nợ giữa ông với ông N. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình, ông K không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 50.000.000đồng ghi trong giấy vay là khoản tiền phát sinh từ một giao dịch khác; không chứng minh được cụ thể khoản nợ mà ông được ông N nhờ đi đòi là khoản nợ nào, người có nghĩa vụ trả nợ là ai, số tiền bao nhiêu, cũng như căn cứ để từ quan hệ đó ông phải lập giấy nhận nợ 50.000.000đồng cho ông N. Trong khi đó, giấy vay tiền do ông K ký thể hiện trực tiếp nội dung ông K vay của ông N số tiền 50.000.000đồng. Xét thấy, việc ông Nguyễn Văn K chỉ đưa ra lời trình bày nhưng không có tài liệu, chứng cứ phù hợp để chứng minh là chưa đủ cơ sở bác bỏ giá trị chứng minh của Giấy vay tiền ngày 14/9/2007.

Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn là ông Nguyễn Văn K cho rằng giữa hai bên không tồn tại khoản vay 50.000.000 đồng.

[3] Đối với lời trình bày của ông K về việc đã giao cho ông N 18.000.000đồng *(mười tám triệu đồng)*: Ông K cho rằng sau khi lập giấy vay, ông đã giao cho ông N số tiền 18.000.000đồng và cho rằng nghĩa vụ giữa hai bên đã được giải quyết. Tuy nhiên, ông K không xuất trình được giấy giao nhận tiền, giấy biên nhận hoặc tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc đã giao số tiền này cho ông N để thực hiện nghĩa vụ trả khoản vay ngày 14/9/2007. Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N không thừa nhận đã nhận khoản tiền 18.000.000đồng. Do đó, chưa có căn cứ xác định ông K đã thanh toán 18.000.000 đồng vào khoản nợ 50.000.000đồng theo Giấy vay tiền ngày 14/9/2007, nên không có cơ sở để khấu trừ số tiền này vào nghĩa vụ trả nợ của ông K.

[4] Về thời hạn vay và nghĩa vụ trả nợ: Giấy vay tiền ngày 14/9/2007 không thể hiện việc thỏa thuận thời hạn trả nợ và không thể hiện thỏa thuận về lãi suất, nên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi suất.

Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi, bên cho vay có quyền yêu cầu bên vay hoàn trả tài sản vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay biết trước một thời gian hợp lý. Theo lời trình bày của ông N, sau khi cho vay ông đã nhiều lần yêu cầu ông K trả số tiền đã vay nhưng ông K không thực hiện. Đến nay ông N tiếp tục yêu cầu ông K trả số tiền 50.000.000đồng và đã khởi kiện tại Tòa án. Như vậy, ông K đã biết rõ yêu cầu đòi lại khoản tiền vay của ông N nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, bên vay tài sản là tiền phải trả đủ tiền khi đến hạn. Vì vậy, việc ông K không hoàn trả khoản tiền vay mặc dù ông N đã yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ của bên vay.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 14/9/2007 ông Hoàng Ngọc N đã cho ông Nguyễn Văn K vay số tiền 50.000.000đồng, đến nay ông K chưa chứng minh được đã hoàn trả khoản tiền này cho ông N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc N về việc buộc ông Nguyễn Văn K trả số tiền nợ gốc 50.000.000đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000đồng, không yêu cầu giải quyết tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với phần lãi.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N được chấp nhận nên bị đơn là ông Nguyễn Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 184; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471, 474 và 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ - HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Ngọc N đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Nguyễn Văn K phải trả cho ông Hoàng Ngọc N số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng *(năm mươi triệu đồng)*.

Kể tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2026) cho đến khi thi hành án xong nghĩa vụ trả nợ, hàng tháng ông Nguyễn Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn K phải chịu 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn là ông Hoàng Ngọc N thuộc trường hợp người cao tuổi và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét việc hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông N.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/8/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; người phải thi hành án có nghĩa vụ thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; trường hợp có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành thì bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1- Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán**

Chủ toạ phiên toà

Phan Văn Đàn **Nguyễn Thị Ngọc Lan** **Nguyễn Phú Quảng**

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 13 tháng 8 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phan Văn Đàn	**Nguyễn Thị Ngọc Lan**	**Nguyễn Phú Quảng**